

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày: 12/11/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hàn Nhựt Thái
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trương Phạm Duy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2024/TLST-HS ngày 17/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 30/10/2024 đối với bị cáo:

Trần Thanh T, sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số B, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm: 1944 (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm: 1944; vợ: Lưu Thị Thu L1, sinh năm: 1989; con: có 02 người con sinh năm 2006 và năm 2017; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 23/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 72/2010/HSST, chấp hành xong Bản án ngày 02/01/2016).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Duy K, sinh năm 1990; nơi cư trú: số A, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- Người làm chứng:

1. Trần Ngọc C, sinh năm 1983; nơi cư trú: số H đường P, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

2. Trần Ngọc H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn A, Bon Bu S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 20/03/2023, sau khi đi đám giỗ ở huyện M, tỉnh Bến Tre, Trần Duy K cùng Nguyễn Ngọc C1, Trần Ngọc H tiếp tục đến quán G, địa chỉ: Số A, Khu phố A, phường P, thành phố B để uống bia. Tại quán G, Trần Duy K điện thoại rủ Trần Thanh T đến cùng uống bia. Uống bia đến khoảng 18 giờ 30 phút, K kêu tính tiền ra về, T nói “có bao nhiêu đâu, để anh trả cho” nhưng K không đồng ý mà đề nghị chia đều và hùn tiền lại để cùng trả nên giữa Trần Duy K và Trần Thanh T xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. T đi ra xe mô tô của T định đi về thì K giữ T lại để nói chuyện tiếp, T liền lấy 01 (một) con dao bấm bằng kim loại dài 25cm, cán dao bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có viền đen dài 11,5cm, mũi dao nhọn (trước đó T mang theo để gọt trái cây) đâm một nhát vào bụng Trần Duy K gây thương tích, Trần Duy K được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, Bến Tre, điều trị đến ngày 26/03/2023 xuất viện.

Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) con dao bấm bằng kim loại tổng chiều dài 25cm, cán dao bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có viền đen dài 11,5cm, mũi dao nhọn (do Trần Thanh T giao nộp).

Hiện trường vụ án xảy ra tại Chòi số 2, Quán Gia H1, địa chỉ: Số A, Khu phố A, phường P, thành phố B. Chòi số 2 được làm bằng cột gỗ, sàn lót ván gỗ, mái lợp lá, không có vách ngăn, có kích thước 03m x 3,1m. Ở hướng Đông của chòi có bậc thềm lót ván gỗ kích thước 0,4m x 2,1m x 0,16m. Trên nền đất sát bậc thềm đi vào chòi, cách bậc thềm về hướng Nam 0,35m là vùng vết màu nâu đỏ nghi máu, kích thước 10cm x 10cm.

Theo Bản kết luận giám định số 252-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 01/8/2023 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận:

1. Các kết quả chính: Vết thương vùng thượng vị lệch trái kích thước trung bình; Sẹo mổ đường giữa trên, dưới rốn kích thước lớn; Sẹo dẫn lưu hố chậu phải kích thước nhỏ; Sẹo hố chậu trái kích thước nhỏ; Mở bụng thăm dò đơn thuần; Rách mạc treo đại tràng ngang.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Duy K tại thời điểm giám định là 20%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

3. Kết luận khác: Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Sẹo vết thương vùng thượng vị lệch trái kích thước trung bình: 02% (hai phần trăm) căn cứ Chương 8, mục I.2; Sẹo mổ đường giữa trên, dưới rốn kích thước lớn: 03% (ba phần trăm) căn

cứ Chương 8, mục I.3; Sẹo dẫn lưu hố chậu phải kích thước nhỏ: 01% (một phần trăm) căn cứ Chương 8, mục I.1; Sẹo hố chậu trái kích thước nhỏ: 01% (một phần trăm) căn cứ Chương 8, mục I.1; Mở bụng thăm dò đơn thuần: 11% (mười một phần trăm) căn cứ Chương 4, mục X.1.1; Rách mạc treo đại tràng ngang: 03% (ba phần trăm) căn cứ Chương 4, mục X.3.1. Cơ chế hình thành vết thương: Do vật sắc nhọn gây ra.

Theo Công văn Số 172/CV-PY ngày 16/09/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh B trả lời: với tình trạng thương tích của Trần Duy K nếu không được đưa đi cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong.

Quá trình điều tra, Trần Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định thương tích và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Bị hại Trần Duy K yêu cầu Trần Thanh T bồi thường chi phí điều trị, tiền thuốc là 40.000.000 đồng, Trần Thanh T đồng ý và đã bồi thường xong, bị hại K không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) con dao bấm bằng kim loại tổng chiều dài 25cm, cán dao bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có viền đen dài 11,5cm, mũi dao nhọn là hung khí gây án chưa xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 78/CT-VKSTPBT ngày 17/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 1 (điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bấm bằng kim loại tổng chiều dài 25cm, cán dao bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có viền đen dài 11,5cm, mũi dao nhọn là hung khí gây án.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại trình bày: việc bị cáo gây thương tích cho anh như cáo trạng nêu là đúng, bị cáo đã bồi thường cho anh chi phí điều trị, tiền thuốc là 40.000.000 đồng xong, anh không có yêu cầu bồi thường nào khác, về trách nhiệm hình sự anh yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 20/03/2023, xảy ra cự cãi giữa Trần Thanh T và Trần Duy K, T bỏ ra về, K muốn nói chuyện với T tiếp nhưng T không đồng ý đã dùng dao (là hung khí nguy hiểm) đâm vào bụng của K gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 20%, tại Quán G, địa chỉ: Số A, Khu phố A, phường P, thành phố B.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh người khác gây thương tích là hành vi vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ, bị cáo lại sử dụng 01 con dao bấm bằng kim loại tổng chiều dài 25cm, cán dao bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có viền đen dài 11,5cm, mũi dao nhọn là hung khí nguy hiểm để chém nhiều cái vào môi dưới bên phải, bàn tay phải, gối phải và bàn chân trái của bị hại Trần Duy K gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 20%. Vì vậy, cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, tạo sự hoài nghi, tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu đã từng bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng các tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Tự nguyện bồi thường

thiệt hại”, “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo”; “Bị cáo có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự ghi nhận ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bồi thường nào khác.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao bấm bằng kim loại tổng chiều dài 25cm, cán dao bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có viền đen dài 11,5cm, mũi dao nhọn là hung khí mà bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại, nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, xử lý vật chứng, hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bấm bằng kim loại tổng chiều dài 25cm, cán dao bằng kim loại dài 13,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có viền đen dài 11,5cm, mũi dao nhọn.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/11/2024).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Trần Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm) đồng.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. Phú Tân, TPBT (1b);
- Bị cáo, NTGTT (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình